

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1163 /GPMT-UBND

Bình Xuyên, ngày 23 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 3701091716-007 đăng ký lần đầu ngày 05/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/11/2020; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9851265157, được Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận lần đầu ngày 05/3/2014 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 24/3/2025;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tại Văn bản 24/CV ngày 02/4/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: 281 /TTr-NNMT ngày 22 tháng 04 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Cơ sở Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản của Công ty TNHH De Heus, địa chỉ tại Lô G, KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Dự án sản xuất đồ dùng văn phòng phẩm với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Lô G, KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 3701091716-007 đăng ký lần đầu ngày 05/3/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/11/2020; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9851265157, được Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc chứng nhận lần đầu ngày 05/3/2014 và chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 24/3/2025.

1.4. Mã số thuế: 3701091716-007.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản được thực hiện tại Lô G, KCN Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng diện tích là : 48.136 m².

- Quy mô: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản với công suất 424.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH De Heus có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các

công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Bình Xuyên, Phòng Nông nghiệp và Môi trường Bình Xuyên, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn tới ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Bình Xuyên theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./y

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- CVP, PCVP;
- Công ty TNHH De Heus;
- Lưu: VT, NNMT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Bộ

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày... tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Bình Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bình Xuyên, không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được thu gom bằng các đường ống nhựa PVC D110 dẫn vào xử lý sơ bộ tại 06 bể tự hoại 3 ngăn (có tổng thể tích 35m³). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại sẽ theo hệ thống đường ống HDPE DN100, DN150 và DN200 có tổng chiều dài 422m chảy vào hố gom nước thải chung thể tích 1m³, sau đó theo đường ống HDPE DN200 dài 2m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày đêm của Nhà máy.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua 01 hố ga tách mỡ có thể tích 3m³ (LxWxH: 1m x 1m x 3m) để loại bỏ một phần dầu mỡ và rác ra khỏi dòng thải. Nước thải sau khi qua hố ga tách mỡ sẽ theo đường ống HDPE DN150 dài 130m. Nước thải từ hố ga thu nước thải nhà bếp sẽ theo hệ thống đường ống HDPE DN200 dài 150m chảy về hố gom nước thải chung thể tích 1m³, sau đó theo đường ống HDPE DN200 dài 2m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày đêm của Nhà máy.

- Nước thải sản xuất:

+ Dung dịch hóa chất thải (hóa chất tráng dụng cụ, thiết bị phân tích), nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ phân tích trong phòng thí nghiệm (nước tráng rửa lần 1) và hỗn hợp hóa chất thải sau phân tích được thu gom vào bể gom dung tích 2m³, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định. Định kỳ sẽ thu gom 02 lần/năm.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ phân tích trong phòng thí nghiệm (nước tráng rửa lần 2) và nước thải bỏ từ quá trình chưng cất sẽ theo đường ống HDPE DN200 dài 143m chảy về hố gom nước

thải chung thể tích 1m^3 , sau đó theo đường ống HDPE DN200 dài 2m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ của Nhà máy.

+ Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Lượng nước này được thu gom vào 01 bể lắng 6 ngăn (có tổng thể tích $26,36\text{m}^3$) để lắng cặn, phần nước trong thu được sẽ tuần hoàn lại HTXL khí thải lò hơi, phần cặn lắng sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải xả đáy, vệ sinh lò hơi: Lượng nước thải phát sinh sẽ được thuê đơn vị thu gom đem đi xử lý theo quy định.

Định kỳ (khoảng 6tháng/lần), Công ty sẽ tiến hành vệ sinh bể lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước thải xả đáy, vệ sinh lò hơi. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để hút toàn bộ lượng nước thải này đem đi xử lý theo quy định với khối lượng phát sinh trung bình khoảng $10\text{m}^3/\text{lần}$.

Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ hiện có của Nhà máy sẽ theo đường ống HDPE DN200 dài 10m đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên thông qua 1 điểm đấu.

- Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại nguồn) → Bể gom chung → Bể tách mỡ, tách rác → Bể điều hòa → Bể SBR → Bể khử trùng → Xả ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bình Xuyên.

- Công suất thiết kế: $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga cuối trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Xuyên. Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiếu 3^0) như sau: $X = 2352801$; $Y = 569406$.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số bao gồm: Lưu lượng, pH, BOD_5 , COD, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp/Tiêu chuẩn đầu nối với Khu công nghiệp Bình Xuyên

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng của KCN Bình Xuyên.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Xuyên để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

VIỆT NAM

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI RA NGOÀI MÔI TRƯỜNG
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày... tháng... năm
 2025 của UBND huyện Bình Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải:
- + Nguồn số 01: Phát sinh từ công đoạn nghiền của dây chuyền số 01 - Sản xuất cám lợn con.
- + Nguồn số 02: Phát sinh từ máy nghiền chung số 1 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 03: Phát sinh từ máy nghiền chung số 2 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 04: Phát sinh từ máy nghiền ngô.
- + Nguồn số 05: Phát sinh từ công đoạn làm nguội của dây chuyền số 01 - Sản xuất cám lợn con.
- + Nguồn số 06: Phát sinh từ công đoạn làm nguội của dây chuyền số 02 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 07: Phát sinh từ công đoạn làm nguội của dây chuyền số 03 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 08: Phát sinh từ công đoạn làm nguội của dây chuyền số 04 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 09: Phát sinh từ công đoạn làm nguội của dây chuyền số 05 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.
- + Nguồn số 10: Phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải, vị trí, lưu lượng và phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải đề nghị cấp phép: 10 dòng khí thải đề nghị cấp phép:
- + Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 1 công suất 10.000 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569273.

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 2 công suất 6.000 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352716; Y(m) = 569279.

+ Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 3 công suất 6.000 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569278.

+ Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 4 công suất 7.200 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569282.

+ Dòng khí thải số 05: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 5 công suất 8.412 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352713; Y(m) = 569272.

+ Dòng khí thải số 06: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 6 công suất 20.604 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352713; Y(m) = 569276.

+ Dòng khí thải số 07: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 7 công suất 20.604 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352712; Y(m) = 569278.

+ Dòng khí thải số 08: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 8 công suất 20.604 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569270.

+ Dòng khí thải số 09: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 9 công suất 25.000 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352711; Y(m) = 569283.

+ Dòng khí thải số 10: Khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải số 10 (hệ thống xử lý khí thải lò hơi) công suất 25.000 m³/giờ. Tọa độ: X(m) = 2352724; Y(m) = 569260.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3⁰).

+ Lưu lượng xả khí thải tối đa: 149.424 m³/giờ

+ Phương thức xả khí thải: Cường bức (sử dụng quạt hút)

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo: Lộ trình áp dụng Đảm bảo đạt yêu cầu của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 0,9, K_v = 1) kể từ ngày được cấp GPMT và hoàn thành các công trình BVMT và từ 01/01/2032 đảm bảo QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C - Bảng 1 và Bảng 2).

Dòng khí thải	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K _p = 0,9, K _v = 1)	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C - Bảng 1 và Bảng 2)	
	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	≤100	06 tháng/lần

Dòng khí thải số 10	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765	≤500
	CO	mg/Nm ³	900	≤450
	SO ₂	mg/Nm ³	450	≤350
Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	≤100
	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75	≤8

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

** Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền:*

- Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền được thu gom vào hệ thống lọc bụi túi vải trước khi thải ra ngoài môi trường

- Quy trình thu gom, xử lý bụi công đoạn nghiền: Bụi → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí sạch ra ngoài môi trường.

- Số lượng hệ thống thu gom bụi: 04 hệ thống.

- Công suất xử lý:

+ 01 thiết bị lọc bụi túi vải công suất 10.000m³/giờ lọc bụi phát sinh từ máy nghiền của dây chuyền sản xuất thức ăn lợn con - dây chuyền 1;

+ 01 thiết bị lọc bụi túi vải công suất 6.000m³/giờ lọc bụi phát sinh từ máy nghiền chung số 1 - dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm (trước đây là hệ thống xử lý bụi công đoạn nghiền cho dây chuyền 2 và 3);

+ 01 thiết bị lọc bụi túi vải công suất 6.000m³/giờ lọc bụi phát sinh từ máy nghiền chung số 2 - dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm;

+ 01 thiết bị lọc bụi túi vải công suất 7.200m³/giờ lọc bụi phát sinh từ máy nghiền ngô (trước là máy nghiền của dây chuyền sản xuất cám cá).

** Bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội:*

- Bụi phát sinh từ công đoạn làm nguội được thu gom vào Cylone trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quy trình thu gom, xử lý bụi công đoạn làm mát: Bụi → Đường ống dẫn khí → Cylone → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí sạch ra ngoài môi trường.

- Số lượng hệ thống thu gom bụi: 05 hệ thống.

- Công suất xử lý:

+ 01 thiết bị lọc bụi bằng cyclone công suất $8.412 \text{ m}^3/\text{giờ}$ lọc bụi phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn lợn con - dây chuyền 1.

+ 01 thiết bị lọc bụi bằng cyclone công suất $20.604 \text{ m}^3/\text{giờ}$ lọc bụi phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm số - dây chuyền 2.

+ 01 thiết bị lọc bụi bằng cyclone công suất $20.604 \text{ m}^3/\text{giờ}$ lọc bụi phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm số - dây chuyền 3.

+ 01 thiết bị lọc bụi bằng cyclone công suất $20.604 \text{ m}^3/\text{giờ}$ lọc bụi phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm số - dây chuyền 4.

+ 01 thiết bị lọc bụi bằng cyclone công suất $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ lọc bụi phát sinh từ máy làm nguội của dây chuyền sản xuất gia súc, gia cầm số - dây chuyền 5.

** Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi:*

- Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom vào hệ thống xử trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quy trình thu gom, xử lý bụi công đoạn làm mát: Bụi, khí thải → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone → Ống venturi → Tháp lọc bụi ướt → Tháp lọc bụi khô → Quạt hút → Ống thoát khí → Khí sạch ra ngoài môi trường.

- Công suất xử lý: $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:

+ 01 HTXL nước thải tập chung công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$;

+ HTXL khí thải số 1 (Máy nghiền của dây chuyền sản xuất cám lợn con - Dây chuyền số 01) công suất $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ HTXL khí thải số 2 (Máy nghiền chung số 1 của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm) công suất $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ HTXL khí thải số 3 (Máy nghiền chung số 2 của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm) công suất $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ HTXL khí thải số 4 (Máy nghiền ngô) công suất $7.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ HTXL khí thải số 5 (Máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn lợn con - Dây chuyền số 01) công suất $8.412 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ HTXL khí thải số 6 (Máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm- dây chuyền 2) công suất 20.604m³/giờ.

+ HTXL khí thải số 7 (Máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm- dây chuyền 3) công suất 20.604 m³/giờ.

+ HTXL khí thải số 8 ((Máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm - dây chuyền 4) công suất 20.604 m³/giờ.

+ HTXL khí thải số 9 (Máy làm nguội của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm- dây chuyền 5) công suất 25.000 m³/giờ.

+ HTXL số 10 (hệ thống xử lý khí thải số lò hơi) công suất 25.000 m³/giờ.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 1 (Máy nghiền của dây chuyền sản xuất cám lợn con - Dây chuyền số 01). Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569273.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 2 (Máy nghiền chung số 1 của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352716; Y(m) = 569279.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 3 (Máy nghiền chung số 2 của dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569278.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 4 (Máy nghiền ngô). Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569282.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 5 (Máy làm nguội của dây chuyền số 01 - Sản xuất cám lợn con). Tọa độ: X (m)= 2352713; Y(m) = 569272.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 6 (máy làm nguội của dây chuyền số 02 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352713; Y(m) = 569276.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 7 (Máy làm nguội của dây chuyền số 03 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352712; Y(m) = 569278.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 8 (Máy làm nguội của dây chuyền số 04 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352715; Y(m) = 569270.

+ Tại ống thoát khí HTXL khí thải số 9 (Máy làm nguội của dây chuyền số 05 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm). Tọa độ: X(m) = 2352711; Y(m) = 569283.

+ Tại ống thoát khí của lò hơi. Tọa độ: X(m) = 2352724; Y(m) = 569260.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Quy chuẩn so sánh: Lộ trình áp dụng Đảm bảo đạt yêu cầu của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 0,9, K_v = 1) kể từ ngày được cấp GPMT và hoàn

thành các công trình BVMT và từ 01/01/2032 đảm bảo QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C - Bảng 1 và Bảng 2).

+ Giá trị giới hạn cho phép của dòng khí thải:

Dòng khí thải	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1$)	QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C - Bảng 1 và Bảng 2)
Dòng khí thải số 10	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	≤100
	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765	≤500
	CO	mg/Nm ³	900	≤450
	SO ₂	mg/Nm ³	450	≤350
Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	≤100
	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75	≤8

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu trong văn bản thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng của KCN Bình Xuyên.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý khí thải phát sinh trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 3

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1163/GPMT-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2025 của UBND huyện Bình Xuyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh

+ Khu vực tháp sản xuất. Tọa độ: X(m) = 2352711.0; Y(m) = 569274.8 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°).

+ Từ hoạt động của quạt hút của HTXL khí thải. Tọa độ: X(m) = 2352713.5; Y(m) = 569280.0 (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°).

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

❖ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

❖ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lựa chọn các loại máy móc thiết bị có tiếng ồn, độ rung thấp. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, bố trí thời gian nghỉ giữa giờ trong các ca làm việc.

- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 163/GPMT-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2025 của UBND huyện Bình Xuyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

ST T	Tên CTNH	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy giáp, đá mài	Rắn	07 03 10	5
2	Đầu mẫu que hàn (Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc)	Rắn	07 04 01	5
3	Xỉ hàn (Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc)	Rắn	07 04 02	4
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	30
6	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	180
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng đựng hóa chất, đựng dầu,...)	Rắn	18 01 02	200
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa (hộp đựng hóa chất, vỏ hộp dầu)	Rắn	18 01 03	80
9	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (chai lọ thủy tinh đựng hóa chất)	Rắn	18 01 04	45
10	Găng tay, giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	150
11	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	30
12	Hỗn hợp hóa chất thải phòng thí nghiệm (hóa chất tráng dụng cụ, hóa chất thải sau phân tích, nước thải tráng rửa lần 1)	Lỏng	19 05 02	180
Tổng khối lượng				909

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Chất thải	Đơn vị	Lượng phát sinh
1	Bao bì đựng nguyên liệu đầu vào (bao gai thải, thùng phuy nhựa, thùng phuy sắt không dính CTNH)	kg/năm	160.000
2	Sản phẩm nguyên liệu hỏng kém chất lượng	kg/năm	430.000
3	Tro bụi từ hệ thống lò hơi	kg/năm	3.000

5	Bùn cặn tại bể lắng của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước xả đáy vệ sinh lò hơi	m ³ /năm	20
---	--	---------------------	----

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phát sinh khoảng 14,52 tấn/năm; bùn thải từ bể tự hoại 2 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Nhà máy bố trí 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 20m². Xung quanh quây kín, cửa sắt ra vào, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, chống thấm, có gờ chống tràn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đối với chất thải lỏng có đặt khay chống tràn. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH; trang bị thiết bị PCCC, bình bọt chữa cháy.
- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, Bao bì mềm.
- Khu vực lưu chứa: 02 ngăn chứa với diện tích 75m².
- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác dung tích 660L có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: 01 ngăn có diện tích 5m².
- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải.

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Hoàn thành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo các hệ thống xử lý hoạt động ổn định, liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1463/GPMT-UBND ngày 23 tháng 04 năm 2025 của UBND huyện Bình Xuyên)

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

(Trang cuối./.)